

Bản án số: 10/2025/HS-PT
Ngày 15-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;
Ông Lê Sỹ Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huyền Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 214/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Lê Thị Y do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 194/2024/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Người có kháng cáo:

1. Bị cáo: Lê Thị Y, sinh năm 1987, tại tỉnh Vĩnh Phúc; số CCCD: 026187001811, ngày cấp 21/9/2022; nơi cư trú: Thôn Y, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M (đã chết) và bà Dương Thị B; có chồng: Hoàng Văn H (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 11 tháng 7 năm 2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 223/HSST; bị cáo bị tạm giữ ngày 13/10/2023, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay, có mặt.

2. Bị hại: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1987; cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ liên lạc: Nhà T, Đường D, Khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trịnh Thị Y1, sinh năm 1978; cư trú tại: Tổ dân phố N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa;

địa chỉ liên lạc: Số A, đường Đ, Khu phố C, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Không Thị V, sinh năm 1979, vắng mặt.
2. Bà Lương Thị D (T), sinh năm 1988, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Y và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1987, đăng ký thường trú tại thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng có mối quan hệ quen biết nhau.

Khoảng 09 giờ ngày 12 tháng 7 năm 2022, Lê Thị Y gọi điện thoại kêu bà H1 đi đến Cửa hàng nhôm sắt Ngọc Y2, địa chỉ tại Số A, đường M - T, Khu phố C, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương gặp Y2 để nói chuyện. Tại đây, Y2 nói cho bà H1 biết là có nơi bán dây đồng, mua về bán sẽ sinh lời nhưng do hiện tại Y2 không có tiền nên giới thiệu cho bà H1 bỏ tiền ra mua thì bà H1 đồng ý. Lúc này, Y2 điện thoại gọi xe tải đến rồi nhờ bà Trịnh Thị Y1, sinh năm 1978, đăng ký thường trú tại tổ dân phố N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa dẫn Y2 cùng với anh ruột là Lê Văn T1, sinh năm 1985, đăng ký thường trú tại thôn Y, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc và bà H1 đi đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2, địa chỉ tại Số C, đường D, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương để mua hàng. Khi đến nơi, bà H1 gặp và thỏa thuận với bà Không Thị V, sinh năm 1979, đăng ký thường trú tại Số C, đường D, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương để mua 2.603,4 kg dây đồng của bà V với số tiền là 455.600.000 đồng (bốn trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng). Sau khi mua dây đồng, bà H1 thanh toán tiền cho bà V rồi đem số dây đồng trên để ở Cửa hàng nhôm sắt Ngọc Y2 rồi đi về nhà. Đến khoảng 09 giờ ngày 13/7/2022, bà Trịnh Thị Y1 đi đến Cửa hàng nhôm sắt Ngọc Y2 đòi tiền nợ của Y2 là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nhưng Y2 không có tiền để trả cho bà Y1. Lúc này, bà Y1 nhìn thấy số dây đồng do bà H1 gửi nhưng nghĩ là tài sản của Y2 nên bà Y1 nói sẽ cân số dây đồng đúng số tiền Y2 nợ là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Do thấy Y2 không phản ứng và nghĩ là Y2 đồng ý nên bà Y1 thuê xe ba gác cân và lấy số dây đồng có trị giá tương ứng số tiền Y2 nợ là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) rồi đi về. Sau khi bà Y1 đi về, Y2 lên mạng xã hội Facebook rao bán số dây đồng còn lại của bà H1 và bán số dây đồng trên cho một người nam (hiện chưa xác định rõ họ tên và địa chỉ cư trú) với giá tiền là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) rồi tiêu xài cá nhân và bỏ trốn. Đến chiều ngày 13/7/2022, bà H1 nghe thông tin Y2 đã kêu người đến bán toàn bộ số dây đồng mà bà H1 đang gửi cất trong kho của Y2 nên đi đến kiểm tra thì phát hiện Y2 đã bỏ trốn. Do không liên lạc được với Y2 nên ngày 20/7/2022, bà H1 đã đến Công an phường Đ để trình báo sự việc. Sau đó, Công an phường Đ lập hồ sơ vụ việc và đến ngày 23/7/2022

chuyển giao hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để thụ lý xác minh và giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 297/KL-HĐĐGTS ngày 14/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T kết luận: 2.603,4 kg dây đồng phế liệu, trị giá 175.000 đồng/kg, tổng trị giá là 455.600.000 đồng (bốn trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Quá trình xác minh và điều tra, ngày 13/10/2023 Lê Thị Y đã tự nguyện đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu M1 để đầu thú và khai nhận hành vi lợi dụng sự tin tưởng của bà H1 gửi số dây đồng mà bà H1 mua tại kho của Y để chiếm đoạt số dây đồng trên đem bán lấy tiền tiêu xài. Đối với bà Trịnh Thị Y1 khai nhận không biết số dây đồng trên là của bà H1 mà nghĩ số dây đồng trên là của Y và bà H1 cùng nhau hùn tiền để mua nên bà Y1 đã cân và lấy số dây đồng để trừ số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) mà Y nợ bà Y1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không có căn cứ để xử lý. Quá trình điều tra, bà Y1 đã thỏa thuận trả lại số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) cho bà H1. Hiện tại, bà H1 yêu cầu Y trả lại số tiền 355.600.000 đồng (ba trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) mà Y đã chiếm đoạt của bà H1 nhưng Y chưa trả lại cho bà H1.

Bản án hình sự sơ thẩm số 194/2024/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Y phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Y 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/10/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự:

Bị cáo Lê Thị Y có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Hằng S tiền 355.600.000 đồng (ba trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) và bà Trịnh Thị Y1 có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Hằng S tiền 78.000.000 đồng (bảy mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18 tháng 9 năm 2024 bị cáo Lê Thị Y có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình. Ngày 01 tháng 10 năm 2024, bị hại Nguyễn Thị H1 làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm làm rõ vai trò của các đối tượng Trịnh Thị Y1 và Lê Văn T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh và điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Lê Thị Y là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Hành vi lợi dụng sự tin tưởng của bị hại Nguyễn Thị H1 để chiếm đoạt số dây đồng có tổng trị giá là 455.600.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, do đó cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như bị cáo đã ra cơ quan có thẩm quyền để đầu thú; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Hình phạt 09 (chín) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là không nặng, tương xứng với hành vi của bị cáo. Mặt khác, hành vi của Trịnh Thị Y1 và Lê Văn T1 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Y và bị hại Nguyễn Thị H1, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 194/2024/HS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo để bị cáo có điều kiện chăm sóc mẹ già và 02 con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo và bị hại thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng là bà Không Thị V, nhưng bà V đã có lời khai trình bày ý kiến của mình trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt của bà V không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bà V.

[2] Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo đủ cơ sở kết luận: bị cáo Lê Thị Y và bị hại Nguyễn Thị H1, sinh năm 1987, đăng ký thường trú tại thôn M, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng có mối quan hệ quen biết nhau. Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại Cửa hàng N, địa chỉ tại số A, đường M - T, thuộc Khu phố C, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Y lợi dụng sự việc bị hại H1 tin tưởng và gửi 2.603,4 kg dây đồng phế liệu trị giá là 455.600.000 đồng (bốn trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) tại kho của bị cáo và sau khi mặc nhiên để bà Trịnh Thị Y1 lấy số dây đồng phế liệu tương ứng với số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thì bị cáo đã chiếm đoạt số dây đồng còn lại tương đương số tiền 355.600.000 đồng (ba trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) của bị hại H1 rồi đem bán lấy tiền tiêu xài và bỏ trốn.

Hành vi mà bị cáo Lê Thị Y là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì động cơ, mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bị hại để cố ý thực hiện. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo đã ra cơ quan có thẩm quyền để đầu thú, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt 09 (chín) năm tù đối với bị cáo là không nặng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Do đó, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị hại: Vào ngày 12/7/2022, Trịnh Thị Y1, bị cáo Y, bị hại Nguyễn Thị H1, anh ruột của bị cáo H1 là Lê Văn T1 và 02 người khác cùng nhau đi đến chỗ của bà V tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2, địa chỉ số C, đường D, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương để mua đồng. Sau khi mua phế liệu thì số dây đồng đã mua được đem để ở Cửa hàng nhôm sắt Ngọc Y2. Ngày 13/7/2022, Y2 đi đến Cửa hàng nhôm sắt Ngọc Y2 đòi tiền nợ của Y2 là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nhưng Y2 không có tiền để trả nên Y1 đã thuê xe ba gác cân đủ số dây đồng đúng số tiền Y2 nợ và ra về.

Tại biên bản ghi lời khai của Yên ngày 17/10/2023 (bút lục số 88-89) thể hiện Y1 biết việc mua phế liệu là Y2 và H1 hùng tiền làm ăn chung để mua nhưng không rõ ai là người thanh toán tiền mua đồng của bà V. Tuy nhiên Y1 có thấy H1 chuyển khoản 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) cho bà V và được bị hại H1 trả cho 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) vì đã dẫn đi mua phế liệu.

Tại biên bản ghi lời khai của Yên ngày 12/01/2024 (bút lục số 138-139) thể hiện khi cân phế liệu tại nhà bà V thì có mặt của Y1, bà V, H1 và Y1 đứng đó. Khi bà V tính tiền bán phế liệu cho H1 thì Y1 thấy H1 trực tiếp lấy tiền mặt từ trong giỏ của H1 để trả cho bà V nhưng không đủ tiền nên có hỏi mượn Y1 để trả, Y1 không có tiền và đã nói bà V cho H1 thiếu. Một lúc sau H1 mượn được tiền nên chuyển khoản trả cho bà V đủ số tiền mua phế liệu trên 400.000.000 đồng. Ngoài ra, Y1 khai nhận không thấy Y2 trả tiền có bà V. Việc tính tiền nêu trên có sự chứng kiến của Y1, Y2, H1, bà V, chồng bà V (không rõ tên) và T1.

Từ các nhận định trên cho thấy Trịnh Thị Y1 biết số dây đồng để tại Cửa hàng nhôm sắt Ngọc Y2 là của bà H1 và Y2 hùn mua chung nhưng Trịnh Thị

Y1 lại tự ý lấy dây đồng mà không thông báo cho bị hại H1 biết. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã ra quyết định trả hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một để điều tra bổ sung, xem xét trách nhiệm của Trịnh Thị Y1 nhưng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một vẫn giữ nguyên quan điểm. Hội đồng xét xử nhận thấy việc chỉ truy tố, xét xử hành vi của bị cáo Y2 mà không xem xét hành vi của Trịnh Thị Y1 trong vụ án là có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm. Do vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương sẽ kiến nghị Cơ quan điều tra - Công an thành phố T tiếp tục điều tra làm rõ hành vi nêu trên của Trịnh Thị Y1 để xử lý theo quy định của pháp luật tránh việc bỏ lọt tội phạm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của bị hại là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, việc cho rằng hành vi của Trịnh Thị Y1 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm là chưa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kháng cáo của bị cáo Lê Thị Y và bị hại Nguyễn Thị H1 không chấp nhận nên bị cáo Y và bị hại H1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Y và bị hại Nguyễn Thị H1. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2023/HS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Lê Thị Y như sau:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Y phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Y 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/10/2023.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Thị Y phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị hại Nguyễn Thị H1 nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ Giám đốc kiểm tra 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, ĐHN, 20.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng